

Bản án số: 48/2018/HS-PT

Ngày 09 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;

Ông Nguyễn Thành Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 296/2017/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Hồ Quốc B; do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2017/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

- Bị cáo bị kháng cáo: Hồ Quốc B, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1990 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn H và bà Mai Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 67 ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Ngày 31/3/2017, ông Hồ Văn H xây tường rào tại tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai gây hư hỏng một số bụi cỏ của ông Phạm Văn S dẫn đến hai ông cãi nhau. Đến 15 giờ 15 phút ngày 05/4/2017, trong lúc đi làm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; Hồ Anh T là con của ông H đến xưởng Outsole của công ty tìm ông S; mục đích để nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn giữa hai gia đình thì xảy ra cãi nhau giữa hai bên. T trở lại làm việc trong công ty, gọi điện thoại cho em trai là Hồ Quốc B đang làm việc tại xưởng kho vật liệu của công ty biết sự việc cãi nhau với ông S. B tức giận, đi đến tủ đồ cá nhân của chị Huỳnh Thị Kim L, lấy 01 con dao Thái Lan dài 22,5cm cất giấu trong người rồi đến xưởng Outsole của công ty, gặp ông S đang trên đường đi ra cổng. B đi song song với ông S nói chuyện thì ông S dùng tay trái cặp vào cổ B, B dùng tay phải rút dao Thái Lan trong người ra đâm ông S một nhát vào lưng gây thương tích. Ông S bỏ chạy về hướng cổng công ty, B cầm dao đuổi theo; bảo vệ công ty đã không chế bắt giữ được B. Ông Phạm Văn S bị thương tích, được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.

- Vật chứng: 01 (một) con dao Thái Lan dài 22,5cm, cán nhựa gài 10,5cm, lưỡi dao dài 12cm, rộng 2cm, mũi nhọn dính chất liệu màu đỏ nghi là máu.

- Tại Kết luận giám định pháp y số: 1498/C45B ngày 31/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vết màu đỏ dính trên lưỡi dao là máu người. Phân tích kiểu gen (ADN) theo hệ Indentifiler cho thấy vết máu này có kiểu gen trùng với gen (ADN) của bị hại Phạm Văn S.

- Tại Kết luận giám định pháp y số: 0285/GĐPY/2017 ngày 28/4/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận về thương tích của bị hại Phạm Văn S: Vết thương lưng phải thấu ngực phải gây tràn dịch màng phổi đã được phẫu thuật dẫn lưu màng phổi phải, hiện để lại tràn dịch màng phổi phải lượng vừa; tỷ lệ 20%. Vết thương lưng phải để lại sẹo kích thước 2,2cm x 0,3cm; tỷ lệ 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 21%. Vật gây thương tích là vật sắc nhọn.

- Tại Cáo trạng số: 52/CT/VKS-HS, ngày 01/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Hồ Quốc B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 2, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2017/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hồ Quốc B phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điểm a, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 104; Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Hồ Quốc B 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, bồi thường dân sự, trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 29 tháng 9 năm 2017, bị hại Phạm Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Hồ Quốc B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo Hồ Quốc B có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công và gây thương tích cho bị hại Phạm Văn S với tỷ lệ thương tích tại thời điểm giám định là 21%. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và xét xử bị cáo B về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 2, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật

- Về hành vi cố ý gây thương tích, theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì hành vi của bị cáo Hồ Quốc B có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù; quy định này có lợi hơn cho bị cáo so với quy định tại Khoản 2, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Do đó, để giải quyết vụ án, cần phải áp dụng Khoản 3, Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14, nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017. Cấp sơ thẩm đã nhận định các quy định nêu trên để giải quyết vụ

án là phù hợp; tuy nhiên, trong phần quyết định không áp dụng điều khoản có lợi cho bị cáo là chưa đầy đủ; do đó, sửa án sơ thẩm.

- Cấp sơ thẩm xác định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hồ Quốc B như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; theo Biên bản giám định khả năng lao động tàn tật số: 55/BB-GĐYK ngày 16/02/2011 của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Đồng Nai, thể hiện bị cáo bị liệt hoàn toàn cánh tay trái, với tỷ lệ mất sức lao động 61%. Những nội dung trên thuộc các Điểm b và p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, cha ruột bị cáo ông Hồ Văn H là người có công với cách mạng, nguyên là bộ đội đặc công chủ lực miền thuộc Trung đoàn 117, Quân khu 7; được tặng Kỷ niệm chương và trợ cấp một lần, tình tiết này chưa được bản án sơ thẩm ghi nhận là thiếu sót (các bút lục từ số 84 đến 87). Do đó, sửa án sơ thẩm về phần này.

- Theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 4 của Nghị định số: 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật quy định: *“Người khuyết tật nặng khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận có khả năng tự phục vụ sinh hoạt nếu có người, phương tiện trợ giúp một phần hoặc suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%”*. Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là người khuyết tật nặng” được quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa đầy đủ; do đó, sửa án sơ thẩm.

[3] Về hình phạt

Đối với kháng cáo của bị hại Phạm Văn S, nhận thấy: Mức án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo B là phù hợp so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo; việc áp dụng quy định có lợi cho bị cáo là đúng, thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật Nhà nước. Do đó, kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị hại kháng cáo không được chấp nhận, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn S;

Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật.

1. Áp dụng Khoản 2, Điều 104; Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14; Khoản 3, Điều 7; Điểm đ, Khoản 2, Điều 134 và Điểm p, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hồ Quốc B 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị hại kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện V;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Tòa án nhân dân huyện V (2);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành